

# TÁI CẤU TRÚC CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM THEO TIÊU CHUẨN BASEL II: KẾT QUẢ SAU 2 NĂM VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Lê Thanh Tâm\*

Ngày nhận: 9/8/2014

Ngày nhận bản sửa: 10/9/2014

Ngày duyệt đăng: 22/9/2014

## Tóm tắt:

*Tái cấu trúc các tổ chức tín dụng Việt Nam - trọng tâm của quá trình tái cấu trúc nền kinh tế - chỉ còn 2 năm để hoàn tất. Trong quá trình đó, yêu cầu về phát triển hệ thống tổ chức tín dụng theo Basel II ngày càng trở nên cấp thiết. Tuy vậy, chưa có nghiên cứu nào đánh giá kết quả thực hiện tái cấu trúc theo chuẩn mực này. Bài viết nhận định (i) Basel II là lựa chọn tối ưu cho các tổ chức tín dụng Việt Nam trong quá trình tái cấu trúc; (ii) đề án tái cấu trúc các tổ chức tín dụng đã hướng tới Basel II thông qua mục tiêu và một số giải pháp cụ thể; (iii) tuy nhiên, kết quả tái cấu trúc mới chỉ đáp ứng được một phần theo trụ cột 1, hai trụ cột 2 và 3 của Basel II hầu như chưa có kết quả; và (iv) nhiều giải pháp cụ thể khác nhau cần được thực hiện đồng bộ để đáp ứng được yêu cầu Basel II theo lộ trình đã đưa ra.*

**Từ khóa:** an toàn vốn, Basel II, rủi ro, tái cấu trúc, trụ cột

## 1. Giới thiệu

Chỉ còn 2 năm nữa là đề án tái cấu trúc các tổ chức tín dụng (tổ chức tín dụng) Việt Nam phải hoàn tất. Trong quá trình đó, các yêu cầu về phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo các chuẩn mực Basel II ngày càng trở nên cấp thiết hơn. Trên thế giới, Basel III sẽ được chính thức áp dụng tại các quốc gia G10 từ tháng 1/2015. Đã có một số bài nghiên cứu riêng về kết quả thực hiện tái cấu trúc (Lê Quốc Hội, 2013; Đặng Ngọc Đức và các cộng sự, 2013; Mai Trí, 2013; Hạ Thị Thiệu Dao, 2013...). Tuy vậy, chưa có nghiên cứu nào đánh giá công tác này theo các yêu cầu của Basel II – chuẩn mực hoạt động của các tổ chức tín dụng trong quá trình hội nhập quốc tế và cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

Bài viết tập trung đánh giá kết quả tái cấu trúc tổ chức tín dụng Việt Nam theo các chuẩn mực Basel II sau hơn 2 năm thực hiện thông qua trả lời các câu hỏi: (i) Tại sao Việt Nam cần thực hiện Basel II? (ii) Tái cấu trúc các tổ chức tín dụng tại Việt Nam hướng tới Basel II như thế nào? (iii) Kết quả tái cấu trúc các tổ chức tín dụng hiện nay đã đạt được đến

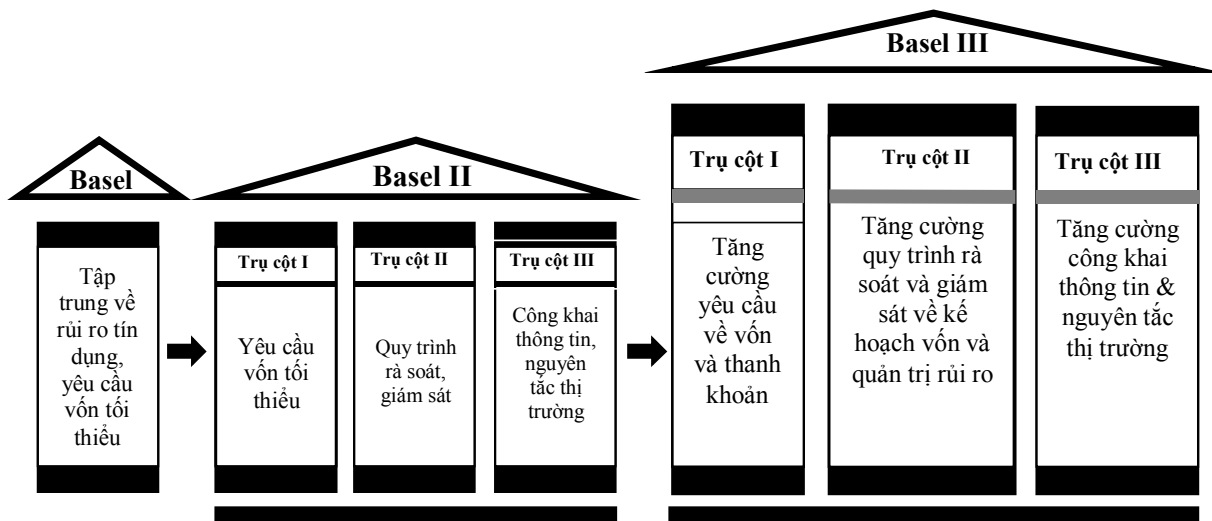
mức nào theo Basel II? (iv) Khuyến nghị cho Việt Nam trong thời gian tới?

## 2. Tại sao Việt Nam cần thực hiện Basel II?

Tiêu chuẩn Basel (I, II hay III) là bộ hướng dẫn những quy tắc, thước đo để giám sát, đánh giá mức độ an toàn và hiệu quả của ngân hàng và hoạt động ngân hàng quốc tế do Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng xây dựng và phát triển. Theo cách này, Ủy ban khuyến khích việc áp dụng cách tiếp cận và các tiêu chuẩn chung mà không cố gắng can thiệp vào các kỹ thuật giám sát của các nước thành viên (BIS, 2014; Heffernan, 2005, tr 189). Basel II được phát triển năm 1999 thông qua xử lý những thiếu sót của Basel I (1988), và đến 2010, Basel III ra đời trong bối cảnh khủng hoảng tài chính nhằm tăng cường năng lực của ngân hàng. Basel III định hướng toàn diện hơn, tập trung vào quản lý rủi ro và chú trọng đến an toàn vĩ mô của cả hệ thống (OECD, 2010). Các tiêu chuẩn đánh giá, quản lý và giám sát các tổ chức tín dụng đã được nâng cao và chặt chẽ hơn qua ba phiên bản của Basel (Hình 1).

Trên thế giới, Basel II đã được thực hiện đầy đủ tại 70 quốc gia từ 2012 (FSI, 2012) ở nhiều mức độ

Hình 1: Các tiêu chuẩn của Basel



Nguồn: Tổng hợp từ (BIS, 2014), (VPBS, 2014)

khác nhau, và đến tháng 1/2015, toàn bộ 27 quốc gia thành viên của Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng (BCBS) sẽ bắt đầu tiến hành thực hiện Basel III (BIS, 2014). Tại Châu Á, hầu hết các quốc gia lớn đều đồng thuận và đã áp dụng Basel II từ 2007 nhằm cải thiện công tác quản lý rủi ro và bổ sung cho các mục tiêu giám sát hệ thống tài chính. Xu hướng nâng cao các tiêu chuẩn hoạt động đối với các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các ngân hàng quốc tế, có ảnh hưởng quan trọng đến hệ thống các tổ chức tín dụng, được xem xét là yêu cầu tất yếu đối với mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam (Nguyễn Hữu Nghĩa, 2013). Do vậy, mặc dù Việt Nam không bắt buộc phải thực hiện Basel vì nằm ngoài khối BCBS, trước xu thế hội nhập và mở cửa thị trường dịch vụ tài chính - ngân hàng, việc áp dụng Basel II tại Việt Nam là yêu cầu cấp thiết nhằm tăng cường năng lực hoạt động, giảm thiểu rủi ro, tăng cường hợp tác quốc tế cho hệ thống các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các ngân hàng thương mại.

### 3. Tái cấu trúc các tổ chức tín dụng tại Việt Nam hướng tới Basel II như thế nào?

Tái cấu trúc các tổ chức tín dụng là hướng tới việc sắp xếp, nâng cao khả năng quản trị điều hành của tổ chức nhằm đảm bảo an toàn hệ thống, hình thành hệ thống các tổ chức tín dụng có sức mạnh tài chính thực sự, khả năng quản lý, kiểm soát rủi ro, quản trị doanh nghiệp tốt (Claessens, 1998; Hạ Thị Thiều Dao, 2013). Hiểu theo nghĩa rộng, vấn đề tái cấu trúc các tổ chức tín dụng tại Việt Nam đã thực hiện trong nhiều năm, với các đợt tái cấu trúc các ngân hàng thương mại cổ phần (1998), tái cấu trúc các ngân hàng thương mại nhà nước (2005), tái cấu trúc các Quỹ tín dụng nhân dân (2000, 2012)... Năm 2012, với các yêu cầu mới trong tái cấu trúc

nền kinh tế, đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng được chính thức ban hành (Chính phủ, 2012). Đề án này được coi là trọng tâm của quá trình tái cấu trúc hệ thống tài chính ngân hàng – nội dung chủ chốt của đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020 (Chính phủ, 2013).

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn chưa phải là một thành viên của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng nên không bị ràng buộc bởi thời hạn phải tuân thủ Basel II. Tuy vậy, quan điểm áp dụng Basel nói chung, Basel II nói riêng, đã được Chính phủ Việt Nam định hướng từ 2006, thể hiện trong mục tiêu chiến lược phát triển các tổ chức tín dụng đến 2020 “áp dụng các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng có hiệu quả của Ủy ban giám sát ngân hàng Basel và các chuẩn mực quốc tế về giám sát ngân hàng (Hiệp ước vốn Basel năm 1988 - Basel I), từng bước tiến tới thực hiện các nguyên tắc, chuẩn mực cơ bản theo Hiệp ước vốn mới (Basel II) sau năm 2010” (Chính phủ, 2006). Trong đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng Việt Nam đến 2020, mục tiêu và định hướng chung là “phát triển được hệ thống các tổ chức tín dụng đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc với cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình có khả năng cạnh tranh lớn hơn và dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế” (Chính phủ, 2012). Do vậy, các giải pháp cụ thể liên quan trực tiếp tới Basel II đã được nêu rõ trong đề án như sau:

- “Các ngân hàng thương mại Nhà nước: tăng vốn

để bảo đảm đủ mức vốn tự có theo tiêu chuẩn an toàn vốn của Basel II đến năm 2015 thông qua phát hành cổ phiếu bổ sung và nguồn vốn từ Chính phủ.

- Các ngân hàng thương mại cổ phần, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính: phải đạt mức vốn tự có đủ để bù đắp rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp theo quy định của Basel II đến cuối năm 2015; Phát triển các hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel, trong đó tập trung vào các hệ thống quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường (giá cả, lãi suất, tỷ giá) và rủi ro tác nghiệp; phát triển các hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với thông lệ quốc tế và mức độ rủi ro tín dụng; nâng cao năng lực đánh giá, thẩm định tín dụng và quản lý, giám sát rủi ro tín dụng của tổ chức tín dụng.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý về hoạt động ngân hàng, trong đó có: Ban hành chuẩn mực an toàn vốn phù hợp với Basel II; Quy định về công bố thông tin của các tổ chức tín dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam và các nguyên tắc của Ủy ban Basel” (Chính phủ, 2012).

Cả ba nhóm giải pháp đối với các tổ chức tín dụng và cơ quan quản lý đều liên quan trực tiếp tới 3 trụ cột của Basel II trên các góc độ khác nhau.

Trên cơ sở định hướng chiến lược của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã đặt ra lộ trình triển khai Basel II theo hai giai đoạn: Giai đoạn 1 đến cuối năm 2015: khoảng 8 ngân hàng thương mại phải thực hiện được phương pháp chuẩn hóa cơ bản. Giai đoạn 2 (2016-2018): Ít nhất 8 ngân hàng thương mại phải thực hiện theo phương pháp nâng cao và các ngân hàng thương mại khác thực hiện được ít nhất

là phương pháp chuẩn hóa (cơ bản). Riêng các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân không nhất thiết phải áp dụng Basel II (Nguyễn Hữu Nghĩa, 2013). Ngày 11/8/2014, Ngân hàng Nhà nước đã chọn được 10 ngân hàng thương mại đầu tiên thực hiện thí điểm thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II từ 2015 và hoàn thành năm 2018, bao gồm BIDV, VietinBank, Vietcombank, Techcombank, ACB, VPBank, MB, Maritime Bank, Sacombank và VIB (Minh Đức, 2014).

#### 4. Tái cấu trúc các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện nay đã đạt đến mức nào theo Basel II?

Nội dung và kết quả tái cấu trúc các tổ chức tín dụng được đánh giá theo 3 trụ cột như sau:

##### 4.1. Tái cấu trúc theo trụ cột 1 - Các yêu cầu về vốn tối thiểu bao hàm cả rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động

###### 4.1.1. Về quy định và thực hiện yêu cầu vốn tối thiểu

Yêu cầu vốn tối thiểu là nội dung chủ chốt của trụ cột 1 trong Basel II, với tỷ lệ đủ vốn CAR tối thiểu 8%, bao hàm cả rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động. Nội dung quản trị các loại rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động cũng được chuẩn hóa với nhiều cách tiếp cận khác nhau, tạo cơ hội cho các tổ chức tín dụng lựa chọn phù hợp khả năng quản trị và tài chính của mình (Basel I và II, 2010). Các quốc gia tự phát triển và cụ thể tiêu chuẩn vốn thành (i) mức vốn điều lệ tối thiểu của một tổ chức tín dụng; và (ii) tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR (Basel I và Basel II, 2010).

- Về gia tăng quy mô vốn điều lệ, vốn tự có

Tại Việt Nam, một trong những nội dung chủ chốt của đề án tái cơ cấu các tổ chức tín dụng là tăng

**Bảng 1: Quy mô và mức độ tăng trưởng vốn của hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam, 2012-2014**

Chỉ tiêu	Năm	Ngân hàng thương mại nhà nước	Ngân hàng thương mại cổ phần	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	Hệ thống tổ chức tín dụng
Vốn tự có (Tỷ VND)	2012	137.268	183.139	92.554	425.982
	2013	166.580	195.123	100.233	466.926
	30/6/2014	167.569	192.198	107.967	472.419
Vốn điều lệ (Tỷ VND)	2012	111.551	177.624	76.138	392.152
	2013	128.094	193.536	81.529	423.983
	30/6/2014	130.634	190.314	86.842	428.767
Tỷ lệ tăng trưởng vốn tự có (%)	2012	28,8	8,14	2,8	11,24
	2013	21,35	6,54	8,3	9,61
	30/6/2014	0,59	0,83	7,72	2,16

Nguồn: Vietfin (2012); Ngân hàng Nhà nước (2014)

**Bảng 2: Tái cấu trúc và phương thức gia tăng quy mô vốn của một số ngân hàng thương mại**

Thời điểm	Sự kiện	Quy mô vốn tự có (tỷ)		
		2012	2013	Q1/2014
26/12/2011	SCB sáp nhập với Tinnghia Bank và Ficombank	10.592	13.112,5	NA*
7/8/2012	SHB sáp nhập với Habubank	8.962	10.356	10.582
24/5/2013	TrustBank tự cải cơ cấu, chuyển đổi thành VNCB	-5.619**	NA	NA
18/11/2013	DaiA Bank sáp nhập với HDBank	DAB:3.379 HDB:5.394	NA	HDB:8.626,7
16/9/2013	Western Bank sáp nhập với PVFC, đăng ký lại dưới tên Pvcombank	6.055	9.555,8	9.588,6
10/2013	BIDV mua lại NHLĐ Lào Việt chi nhánh Hà Nội và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	24.494	32.040	33.450
10/2013	Ngân hàng Nhà nước nhận được 24/25 phương án tái cơ cấu của các ngân hàng thương mại cổ phần			
27/12/2012	Vietinbank bán 20% cổ phần cho cổ đông chiến lược BTMU	26.220	54.075	55.192
22/1/2014	Navibank tự tái cơ cấu, đổi tên thành Ngân hàng Quốc dân	2.980	3.204	3.206
24/3/2014	Southern Bank sáp nhập với Sacombank	PNB: 4.042 STB:10.905	PNB: 4.317 STB:17.064	PNB: NA STB:16.551
1/8/2014	Vietcombank bán 15% cổ phần cho cổ đông chiến lược Mizuh (30/9/2011). Vietcombank thực hiện hỗ trợ hợp tác toàn diện với VNCB sau khi chủ tịch/tổng giám đốc VNCB bị bắt	41.547	42.386	43.959

\*NA: Không có thông tin

\*\* Vốn điều lệ của TrustBank là 3000 tỷ, nhưng vốn CSH âm do nợ xấu cao.

Nguồn: Tổng hợp từ Lê Quốc Hội (2013), Hạ Thị Thiệu Dao (2013), Đặng Ngọc Đức và cộng sự (2014), Thành Hưng (2014), Ngân hàng Nhà nước (2014), Stockplus (2014).

vốn để đảm bảo theo các yêu cầu của Basel II. Trong 2 năm qua, hầu hết các ngân hàng thương mại Việt Nam đã thực hiện tăng vốn điều lệ theo lộ trình do Chính phủ (2006 và 2011) đặt ra (tối thiểu 3000 tỷ đến 31/12/2011). Khi đề án tái cơ cấu bắt đầu có hiệu lực từ đầu năm 2012, 9 ngân hàng thương mại trong diện buộc phải tái cơ cấu, trong đó có 4 ngân hàng thương mại có vốn thấp hơn mức vốn pháp định (Tư An Huy, 2012; Công an Nhân dân online, 2012). Nhưng đến cuối 2013, tất cả các ngân hàng thương mại này đều cơ bản đã tái cấu trúc xong, với quy mô vốn tự có và vốn điều lệ đều tăng (Hạ Thị Thiệu Dao, 2013). Đến 30/6/2014, không có ngân hàng thương mại nào có vốn điều lệ dưới 3000 tỷ.

Cả hai chỉ tiêu vốn tự có và vốn điều lệ của hệ thống tổ chức tín dụng đều tăng trưởng ấn tượng, xấp xỉ 10% trong 2 năm 2012-2013. Trong đó, khối các ngân hàng thương mại nhà nước có sự tăng trưởng vốn tự có mạnh mẽ nhất sau 2 năm tái cấu trúc, với tỷ lệ tăng trưởng trên 20%/năm.

Các biện pháp chủ yếu được các ngân hàng thương mại áp dụng nhằm tăng vốn là (i) bán cổ phần cho đối tác chiến lược (Vietinbank, Vietcombank), (ii) sáp nhập/mua lại, (iii) tự tái cơ cấu bằng thay đổi, bổ sung cổ đông lớn (TPBank), và (iv) ngân hàng lớn hỗ trợ toàn diện ngân hàng nhỏ (BIDV, Vietcombank).

Tuy vậy, quy mô vốn của các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện vẫn tương đối nhỏ so với khu vực từ 3-4 tỷ USD (Lê Thị Thùy Vân, 2014). Hiện tại chỉ có Vietinbank và Vietcombank đạt mức vốn tự có trên 2 tỷ USD. Các ngân hàng thương mại cổ phần có vốn tự có trung bình chỉ đạt gần 0,3 tỷ USD/ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước, 2014). Hơn nữa, với một số ngân hàng thương mại nhỏ, việc tăng vốn quá nhanh trong một thời gian ngắn khiến hoạt động quản trị khó khăn, nợ xấu và sở hữu chéo có thể xảy ra, như kinh nghiệm xấu của một số ngân hàng thương mại chuyển đổi từ nông thôn lên đô thị những năm 2010-2011 (Tư An Huy, 2012; Hạ Thị



**Bảng 3: Hệ số rủi ro của tài sản theo Basel II và theo quy định của Việt Nam**

Đơn vị: %

Hệ số rủi ro theo mức xếp hạng tín dụng	AAA đến AA-	A+ đến A-	BBB+ đến BBB-	BB+ đến BB-	B+ đến B-	Dưới B-	Không được xếp hạng	Quy định của Việt Nam
Các quốc gia OECD	0	20	50	100	100	150	100	0
ngân hàng thương mại: Lựa chọn 1	20	50	100	100	100	150	100	20
ngân hàng thương mại: Lựa chọn 2	20	50	50	100	100	150	50	20
Doanh nghiệp	20	50	100	100	150	150	100	Từ 100-250
Tài sản chứng khoán hóa	20	50	100	350	Giảm trừ vốn tự có	Giảm trừ vốn tự có	Giảm trừ vốn tự có	Chưa có

Nguồn: Boudghene (2014); Basel I và Basel II (2010); Ngân hàng Nhà nước (2010).

Thiều Dao, 2014). Các ngân hàng thương mại mới thực hiện sáp nhập hiện đang phải đối mặt với nhiều vấn đề cần xử lý và điều chỉnh hậu sáp nhập, đặc biệt là xử lý nợ xấu và thống nhất hệ thống quản lý nội bộ (Đặng Ngọc Đức và các cộng sự, 2014; Hạ Thị Thiều Dao, 2014). Basel II cũng không đưa ra yêu cầu về quy mô vốn tuyệt đối, vì chưa có bằng chứng về việc ngân hàng nhỏ kém an toàn hơn ngân hàng lớn. Vấn đề quan trọng nhất cho quá trình tái cơ cấu là năng lực thể chế của tổ chức đó (Đặng Ngọc Đức và các cộng sự, 2014).

- Về quy định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR (capital adequacy ratio)

Quy định hiện hành của Việt Nam đã áp dụng một phần Basel II trong cách xác định hệ số rủi ro của tài sản, với một loạt tài sản có hệ số rủi ro 150% và 250%, và yêu cầu CAR tối thiểu cao hơn thông lệ quốc tế (9% so với 8%). Các tỷ lệ đảm bảo an toàn được quy định tại Thông tư 13/2010/TT-NHNN phù hợp với thực tiễn hoạt động, mức độ, loại rủi ro chủ chốt (do các tổ chức tín dụng Việt Nam chủ yếu vẫn tập trung vào hoạt động tín dụng), và năng lực quản trị giai đoạn 2010-2011 (Ngân hàng Nhà nước, 2010a; Nguyễn Hữu Nghĩa, 2014).

Tuy nhiên, hệ số rủi ro tài sản theo Thông tư 13/2010/TT-NHNN chưa phản ánh hết mức độ rủi ro tín dụng, vì chưa tính đến mức xếp hạng của khách hàng. Theo khuyến nghị của Basel II, hệ số rủi ro tín dụng trong mẫu số CAR nên áp dụng khác

nhau với các loại tài sản và mức xếp hạng, từ 0-350%. Thậm chí, một số khoản tài sản phải giảm trừ khỏi vốn tự có như tài sản chứng khoán hóa có xếp hạng dưới B-.

Hơn nữa, CAR Việt Nam yêu cầu chưa tính tới hai loại rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Công thức CAR theo Basel II là (Boudghene, Y.,2014):

$$\text{Vốn cấp 1} + \text{Vốn cấp 2}$$

$$\text{CAR} = \frac{\text{Vốn cấp 1} + \text{Vốn cấp 2}}{\sum(\text{Tài sản} * \text{hệ số rủi ro}) + \text{Rủi ro}}$$

$$\geq 8\%$$

$$\text{thị trường} * 12,5 + \text{Rủi ro hoạt động} * 12,5$$

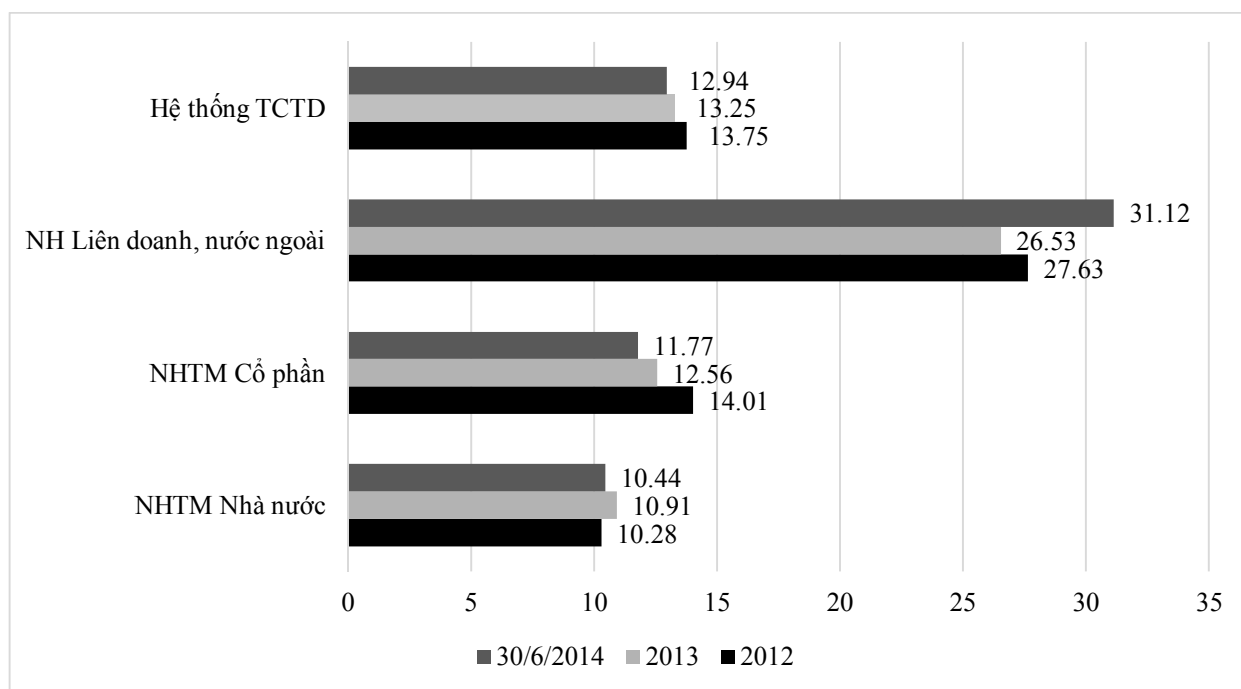
Như vậy, nếu các tổ chức tín dụng tính toán đầy đủ hai loại rủi ro trên, mẫu số sẽ tăng lên, làm giá trị CAR nhỏ đi. So với các tiêu chuẩn của Basel II, các quy định trong Thông tư 13 vẫn còn khá hạn chế và để tiến đến hoàn toàn tuân thủ, các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn còn cả một chặng đường dài (BIS, 2014; Saga, 2014).

- Về thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các tổ chức tín dụng tính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam cao hơn nhiều so với mức tối thiểu 9% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (2010a). Tính trung bình, các tổ chức tín dụng Việt Nam đạt mức CAR trên 13%, trong đó khối ngân hàng thương mại Liên doanh và nước ngoài có CAR cao nhất (trên 25%).

Mặc dù các ngân hàng thương mại nhà nước có

**Hình 2: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR của hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam 2012-2014**



Nguồn: Vietfin (2012); Ngân hàng Nhà nước (2014)

hệ số CAR trung bình thấp nhất, nhưng vẫn đạt trên 10%. Như vậy, chiếu theo quy định tối thiểu 9% của Việt Nam, mức độ an toàn vốn của các tổ chức tín dụng đã được đáp ứng khá tốt (Ngân hàng Nhà nước, 2010a; Ngân hàng Nhà nước, 2014). Các ngân hàng liên doanh và nước ngoài thường áp dụng cả theo tiêu chuẩn tại Việt Nam và theo yêu cầu của quốc gia có hội sở chính, nên CAR ở mức cao nhất (25-31%) và được đánh giá là đã đáp ứng theo Basel II. Ngoài ra, hệ số CAR cao cũng do các ngân hàng thương mại không thể mở rộng cho vay doanh nghiệp và cá nhân nhiều, tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu Chính phủ tăng lên (Lê Thị Thùy Vân, 2014). Như vậy, nếu tính theo tiêu chuẩn Basel II, CAR của cả hệ thống, cũng như hai khối ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần chưa đảm bảo.

#### 4.1.2. Về quản lý rủi ro tín dụng

Công tác quản lý rủi ro tín dụng của các tổ chức tín dụng trong đề án tái cấu trúc hiện mới tập trung vào các nội dung (i) nhận diện rủi ro thông qua phân loại nợ, đo lường rủi ro, (ii) xử lý nợ xấu. Theo giải pháp cụ thể trong đề án tái cơ cấu tổ chức tín dụng 2011, có thể đánh giá là: các tổ chức tín dụng Việt Nam chưa thực hiện hoặc thực hiện ở giai đoạn thử nghiệm một phần nhỏ theo yêu cầu của Basel II. Cụ thể:

- Công tác phân loại nợ và xếp hạng tín dụng nội bộ mới chỉ dựa trên phân tích tín dụng cổ điển, và

hệ thống này tại các ngân hàng thương mại rất tương tự nhau (Nguyễn Thị Hoài Phương, 2013; Hà Thị Thiều Dao, 2013). Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng có thể thực hiện phân loại nợ theo phương pháp định tính (điều 7/ 493) nếu hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận (Ngân hàng Nhà nước, 2005; Ngân hàng Nhà nước, 2013). Tuy một số ngân hàng thương mại đã bắt đầu áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ kể từ 2005, hầu hết các hệ thống này chưa thực sự phát huy hiệu quả. Cách thức xếp hạng theo một trong ba cách tiếp cận rủi ro tín dụng: chuẩn hóa SA (standard approach), cơ bản dựa trên xếp hạng nội bộ IRBF (Internal Rating-based approach – foundation); nâng cao dựa trên xếp hạng nội bộ IRBA (Internal Rating-based approach – advanced) hầu như chưa được áp dụng trong thực tế. Lý do chính là (i) các yêu cầu chi tiết về dữ liệu đầu vào, (ii) năng lực quản trị rủi ro tín dụng hạn chế của ngân hàng thương mại. Hiện chỉ có 8 ngân hàng thương mại được chấp thuận phân loại nợ theo phương pháp định tính đơn giản. Trong đó, cả 9 ngân hàng thương mại buộc phải cơ cấu lại đều không trong danh sách này (Ngân hàng Nhà nước, 2014).

- Cách thức đo lường rủi ro một khoản tín dụng theo Basel II mới chỉ được một số ngân hàng thương mại thực hiện thử nghiệm. Mức độ tổn thất dự kiến EL (expected loss), xác suất vỡ nợ DP (default probability), tỷ trọng tổn thất ước tính LGD

(loss given default) mới được một số ngân hàng thương mại lớn thử áp dụng trong giai đoạn đầu nhưng chưa chính thức hóa (Nguyễn Thị Hoài Phương, 2013; VPBS, 2014). Do vậy, các dữ liệu về rủi ro tín dụng, nợ xấu của từng tổ chức tín dụng và cả hệ thống tổ chức tín dụng rất khác nhau, gây nhiều tranh cãi, gây nhiều “ảo tưởng” cho ngân hàng thương mại. Thậm chí, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody’s đánh giá nợ xấu của Việt Nam có thể cao gấp 3,5 lần con số do các tổ chức tín dụng công bố (Đỗ Thiên Anh Tuấn, 2014; Nhuệ Mẫn, 2014).

#### *4.1.3. Về quản trị rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động*

Một số ngân hàng thương mại đã quan tâm tới hai loại rủi ro này, thiết lập bộ phận riêng để quản lý rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Tuy nhiên, kể cả các ngân hàng thương mại lớn, hoạt động quản trị hai loại rủi ro này còn trong giai đoạn ban đầu, thử nghiệm. Một số kỹ thuật quản lý rủi ro lãi suất theo VAR, hoặc quản lý rủi ro hoạt động theo cách tiếp cận chỉ số cơ bản (basic indicator approach – BIA) được áp dụng ở mức sơ khai. Phần lớn các ngân hàng Việt Nam còn thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở dữ liệu để xây dựng mô hình lượng hóa các loại rủi ro trên (Đặng Ngọc Đức và các cộng sự, 2014).

Hơn thế nữa, tại Việt Nam hiện nay, chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào đánh giá chi tiết về mức độ rủi ro và năng lực quản trị rủi ro của các tổ chức tín dụng liên quan tới hai loại rủi ro thị trường và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II.

#### **4.2. Kết quả tái cấu trúc theo trụ cột 2: Đánh giá Giám sát**

Trụ cột 2 của Basel II liên quan tới việc hoạch định chính sách ngân hàng, cung cấp khung giải pháp cho các rủi ro còn lại (residual risks) mà tổ chức tín dụng đối mặt, như rủi ro hệ thống, rủi ro chiến lược, rủi ro danh tiếng, rủi ro thanh khoản và rủi ro pháp lý. Bốn nguyên tắc của công tác rà soát giám sát được làm rõ trong trụ cột 2 gồm: (i) các tổ chức tín dụng cần phải có một quy trình đánh giá được mức độ đầy đủ vốn nội bộ theo danh mục rủi ro và phải có được một chiến lược đúng đắn nhằm duy trì mức vốn đó; (ii) các giám sát viên nên rà soát và đánh giá việc xác định mức độ vốn nội bộ và chiến lược của ngân hàng, cũng như khả năng giám sát và đảm bảo tuân thủ tỉ lệ vốn tối thiểu. Giám sát viên nên thực hiện một số hành động giám sát phù hợp nếu họ không hài lòng với kết quả của quy trình này; (iii) giám sát viên khuyến nghị các ngân hàng duy trì mức vốn cao hơn mức tối thiểu

theo quy định; (iv) giám sát viên nên can thiệp ở giai đoạn đầu để đảm bảo mức vốn của ngân hàng không giảm dưới mức tối thiểu theo quy định và có thể yêu cầu sửa đổi ngay lập tức nếu mức vốn không được duy trì trên mức tối thiểu’ (Basel I và Basel II, 2010).

Trong giai đoạn tái cấu trúc, các tổ chức tín dụng thực hiện nâng cao năng lực quản trị và thể chế thông qua một số biện pháp khác nhau. Công tác giám sát, đặc biệt là giám sát tín dụng cũng được quan tâm hơn. Một số ngân hàng thương mại thành lập khối quản trị rủi ro riêng, nhận thức về tầm quan trọng của quản trị ngân hàng đã được nâng cao (KPMG, 2013). Tuy nhiên, công tác giám sát như trụ cột 2 chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt với những ngân hàng thương mại vừa thực hiện sáp nhập. Hầu như chưa có giám sát viên về vấn đề này. Khung quản trị các loại rủi ro còn lại chưa được đề cập tới, trừ rủi ro thanh khoản (Hà Thị Thiệu Dao, 2013).

Như vậy, việc áp dụng trụ cột 2 trong công cuộc tái cấu trúc các tổ chức tín dụng hầu như chưa rõ ràng, và chưa có đánh giá tổng thể/chi tiết nào được thực hiện đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam về vấn đề này.

#### **4.3. Kết quả tái cấu trúc theo trụ cột 3 - công khai thông tin theo nguyên tắc thị trường**

Vấn đề công khai minh bạch thông tin của các tổ chức tín dụng luôn được Ngân hàng Nhà nước đặc biệt quan tâm, kể cả trước khi có định hướng thực hiện Basel II. Luật tổ chức tín dụng (2004, 2010) yêu cầu rõ các nội dung về cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước (điều 14), công khai thông tin hoạt động cho công chúng (điều 25). Các yêu cầu báo cáo hoạt động thông tin của tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan chức năng cũng được Ngân hàng Nhà nước (2010b) quy định khá chi tiết. Việc công bố thông tin so với trước đây thể hiện nỗ lực minh bạch hóa hoạt động của ngành ngân hàng, đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển và các nội dung khác trong quá trình tái cơ cấu (Hà Thị Thiệu Dao, 2013).

Tuy vậy, các quy định về công khai thông tin mới chỉ tập trung vào thông tin tổ chức tín dụng cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước. Theo quy định trong Luật chứng khoán (2007) và các văn bản hướng dẫn, các tổ chức tín dụng tham gia thị trường chứng khoán phải có website riêng, có mục “Nhà đầu tư” để công khai thông tin tài chính định kỳ và những thay đổi mà cổ đông cần được biết trong quá trình hoạt động trên trang web. Báo cáo tài chính bán

niên của các công ty đại chúng quy mô lớn có hạn chót công bố là 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính. Tuy vậy, một số ngân hàng thương mại vẫn có tình trạng “giấu” không công bố thông tin, hoặc minh bạch nửa vời khi công bố báo cáo tài chính ngẫu hứng quý có quý không, không cập nhật thông tin... (Kim Anh, 2014). Điều này gây ra vấn đề thông tin không cân xứng, gây mất lòng tin của nhà đầu tư và đối tác với tổ chức tín dụng đó. Mặc dù vậy, chế tài xử phạt với vấn đề không minh bạch thông tin chưa thực sự đủ mạnh.

Hơn nữa, các vấn nạn như thông tin về sở hữu chéo ngân hàng, về nợ xấu... hầu hết đều bị nhiều tổ chức tín dụng che giấu. Thông tin chung của ngành chưa công bố theo chuỗi, chỉ có số liệu tổng hợp của ngành. Đánh giá thực trạng hoạt động chung của các tổ chức tín dụng mới được Ngân hàng Nhà nước phân nhóm, kết quả chỉ được công bố cho từng ngân hàng mà không công bố cho công chúng (Hà Thị Thiệu Dao, 2013; Đặng Ngọc Đức và các cộng sự, 2014).

Do vậy, có thể đánh giá chung là *trụ cột 3 của Basel II tại Việt Nam mới chỉ thực hiện một phần, thông tin cung cấp còn thiếu tính hệ thống, minh bạch và công khai*. Đây là một trong những trở ngại lớn nhất của quá trình tái cấu trúc. Nhà đầu tư và công chúng không rõ mức độ lành mạnh hóa của hệ thống tổ chức tín dụng như thế nào, đã thực hiện tái cấu trúc đến mức độ nào, từ đó niềm tin vào hệ thống tổ chức tín dụng có nguy cơ suy giảm.

## 5. Kết luận và một số khuyến nghị

Công cuộc tái cấu trúc các tổ chức tín dụng trong hơn 2 năm qua đã đạt được một số thành tựu nhất định, đặc biệt là vấn đề tăng vốn, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Thanh khoản hệ thống được cải thiện rõ nét. Nợ xấu đã được giải quyết một phần theo hướng khả quan. chính sách tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai khá mạnh, là điều kiện để các doanh nghiệp hồi sinh (Đặng Ngọc Đức và các cộng sự, 2014). Chính phủ đã có định hướng rõ ràng, cũng như đưa ra một số giải pháp cụ thể cho các tổ chức tín dụng thực hiện theo chuẩn mực Basel II trong quá trình tái cấu trúc. Lộ trình thực hiện cũng đã được Ngân hàng Nhà nước đưa ra, với hàng loạt các chính sách về an toàn vốn, quản lý rủi ro, công khai thông tin... Tuy nhiên, so với các tiêu chuẩn của Basel II, các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan tới Basel II vẫn còn khá hạn chế và để tiến đến hoàn toàn tuân thủ, các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn còn cả một chặng đường dài (BIS, 2014; Saga, 2014). *Việc thực hiện ba trụ cột của Basel II đang ở giai đoạn ban đầu, với trụ cột 1 được thực hiện một phần cơ bản liên quan tới*

*mức độ đủ vốn. Nội dung tuân thủ về các loại rủi ro hầu như chưa được thực hiện. Hai trụ cột 2 và 3 mới được áp dụng ở mức sơ khai.*

Hơn nữa, nhận thức và quyết tâm thực hiện Basel II của chính các tổ chức tín dụng vẫn còn khá hạn chế. Mặc dù gặp nhiều thất bại về quản trị rủi ro trong ngành ngân hàng và tình trạng thiếu hụt thanh khoản kéo dài trong giai đoạn 2008-2013, vẫn có tới 20% ngân hàng Việt Nam không có nhận thức về thực hiện khung giám sát Basel 2. Về khung Basel 3 mà thế giới đang triển khai, rất nhiều tổ chức đã bày tỏ quan điểm “đừng nghĩ đến nó trong vòng 5-7 năm nữa” (Simon Topping, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Tài chính của KPMG Châu Á – Thái Bình Dương trả lời phỏng vấn trong Minh Tuấn, 2014). Chi phí và thời gian để thực hiện theo các chuẩn mực Basel II khá cao so với khả năng tài chính của một số tổ chức tín dụng. Theo tính toán sơ bộ, chi phí để xây dựng và hoàn thiện việc áp dụng trụ cột 1 - phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II dao động khoảng 4-7 triệu USD, tùy theo hoàn cảnh cụ thể và điểm xuất phát của từng ngân hàng (Huy Thắng, 2014).

Do vậy, để đẩy nhanh công cuộc tái cấu trúc đáp ứng mục tiêu đã đề ra, hướng tới chuẩn mực Basel II, một số khuyến nghị sau cần được thực hiện sớm:

### 5.1. Đối với Chính phủ:

*Định hướng cụ thể hơn và xác định rõ: thực hiện theo chuẩn mực Basel II, kể cả sau khi đề án tái cấu trúc các tổ chức tín dụng được hoàn tất, là lựa chọn tối ưu nhất để phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, thực hiện tái cấu trúc thành công, dù chi phí đắt đỏ và thậm chí một số tổ chức tín dụng phải phá sản. Để đảm bảo hệ thống tài chính đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng, đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội của đất nước, cần triển khai Basel II theo cách tiếp cận cân trọng, cân đối giữa lợi ích và chi phí cũng như tính tới đặc thù của Việt Nam. Có nhiều mức độ áp dụng trong Basel II, nên có thể bắt đầu với mức độ đơn giản, sau đó phát triển lên các mức độ cao hơn.*

### 5.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước:

- *Chi tiết hóa việc thực hiện lộ trình tuân thủ Basel II, thường xuyên cập nhật và đánh giá việc thực hiện lộ trình để có những điều chỉnh cần thiết phù hợp thực tiễn;*

- *Đánh giá mức độ tuân thủ theo các tiêu chuẩn Basel II của cả các văn bản pháp lý và kết quả thực hiện của các tổ chức tín dụng. Từ đó, xác định khoảng trống giữa mục đích hướng tới (Basel II) và thực tế hoạt động, cũng như dự kiến cách thức “lấp”*



khoảng trống đó;

- *Sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định hiện hành về các tỷ lệ đảm bảo an toàn, giám sát, công khai thông tin theo các chuẩn mực do Basel II đề xuất.* Đặc biệt, trong các quy định về đủ vốn, cần bổ sung đầy đủ các loại rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động. Áp dụng các tỷ lệ rủi ro cho tài sản theo mức độ xếp hạng khách hàng. Tuân thủ nguyên tắc công khai hóa thông tin, đặc biệt là thông tin rủi ro tín dụng. Phát huy vai trò của các công cụ chính sách tiền tệ cho quá trình tái cơ cấu hướng tới Basel II;

- *Nên bắt đầu với yêu cầu các tổ chức tín dụng đều phải tuân thủ áp dụng phương pháp đơn giản theo khung Basel, và khuyến khích việc áp dụng phương pháp phức hợp dựa trên mô hình nội bộ (internal-models based approach).* Như vậy, thời gian thực hiện Basel II sẽ được rút ngắn, và các tổ chức tín dụng đều có thể thực hiện. Sau đó, có thể phân loại để các tổ chức tín dụng tự quyết định mức độ áp dụng phương pháp giản đơn hay phức hợp.

- *Phát triển các quy định mới để đảm bảo việc áp dụng trụ cột 2 và 3 trong Basel II* được các tổ chức tín dụng dần thực hiện. Với các chính sách rất mới, nên có thử nghiệm (pilot) và đánh giá sơ lược trước khi ban hành chính thức, giảm thiểu “độ vênh” chính sách và tăng cường tính hiệu lực của việc thực hiện chính sách.

- *Có chế tài xử phạt nghiêm ngặt với các tổ chức tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định về an toàn vốn, quản lý rủi ro, giám sát, minh bạch thông tin hướng tới Basel II.*

### **5.3. Đối với các tổ chức tín dụng**

- *Xác định rõ trong định hướng và mục tiêu hoạt động ngắn- trung- dài các nội dung theo chuẩn mực Basel II, thậm chí một phần theo Basel III nếu có khả năng.* Đây là lựa chọn duy nhất để phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định uy tín và vị thế của tổ chức trong hoạt động.

- *Áp dụng các công cụ hiện đại trong thực hiện tiêu chuẩn Basel II.* Ví dụ, để tính toán xác suất vỡ

nợ của một khách hàng trong trụ cột 1, cần có đầy đủ ba nhóm dữ liệu của khách hàng (dữ liệu tài chính, định tính phi tài chính, cảnh báo) trong vòng 5 năm, áp dụng các mô hình tuyến tính, mô hình probit... do các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp xây dựng. Mô hình VAR, logistic, credit matrix trong quản lý rủi ro cần được áp dụng rộng rãi hơn.

- *Sơ kết đánh giá kết quả tái cấu trúc thời gian qua, dám nhìn nhận thẳng thắn các điểm yếu của tổ chức, đặc biệt là nợ xấu và chất lượng quản trị, so sánh với các tiêu chuẩn Basel II.* Ban đầu có thể tập trung hơn vào các tiêu chuẩn theo trụ cột 1. Chấp nhận lỗ thật hơn lãi giả do nợ xấu và trích lập dự phòng rủi ro cao, từ đó có các giải pháp dứt điểm hơn để xử lý các vấn đề hiện nay cũng như rủi ro tiềm ẩn trong tương lai.

- *Chấp nhận chi phí ban đầu trong áp dụng Basel II cao, do các lợi ích kinh doanh về lâu dài của các tổ chức tín dụng đều vượt xa chi phí ban đầu bỏ ra.* Đây cũng là kinh nghiệm của rất nhiều tổ chức tín dụng tại Hồng Kông, Trung Quốc, Indonesia.

- *Với 10 tổ chức tín dụng trong danh sách thí điểm thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo Basel II: cần thực hiện đánh giá chi tiết thực trạng hiện nay đã thực hiện Basel II đến mức nào, các biện pháp chi tiết để đạt từng mức độ trong Basel II, dành đủ nguồn lực tài chính và nhân lực để thực hiện các biện pháp này, tập trung vào giai đoạn 2015-2018.* Trong và sau khi thực hiện, cần rút ra các bài học kinh nghiệm và chia sẻ cho các tổ chức tín dụng khác, vì mục tiêu phát triển chung của ngành ngân hàng Việt Nam.

Trong ba trụ cột, thông tin chi tiết về việc thực hiện trụ cột 2 và 3, cũng như nội dung về thực hiện quản trị rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động của các tổ chức tín dụng không đầy đủ, do đó các phân tích kết luận về ba nội dung này trong bài viết đang ở mức khái quát. Đây cũng chính là hạn chế lớn nhất của bài viết, và là khoảng trống cho các nghiên cứu tiếp theo. □

### **Tài liệu tham khảo**

- Chính phủ (2006), Nghị định 141/2006/NĐ-CP, về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng, ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2006.
- Chính phủ (2011), Nghị định 10/2011/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng, ban hành ngày 26 tháng 1 năm 2011.
- BIS (Bank of International Settlement) (2014), truy cập ngày 15/8/2014 từ <http://www.bis.org/bcbs/implementation.htm> và <http://www.bis.org/bcbs/>
- Basel III (2010), truy cập lần cuối ngày 18/8/2014 từ <http://www.bis.org/search/?q=Basel+III+accord>
- Basel I và Basel II (2010), truy cập lần cuối ngày 20/8/2014 từ [http://www.vnba.org.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=1594:hip-c-vn-basel-basel-i-va-ii&catid=43:ao-to&Itemid=90](http://www.vnba.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=1594:hip-c-vn-basel-basel-i-va-ii&catid=43:ao-to&Itemid=90)

- Boudghene, Y. (2014), 'Bank Management', Teaching document for Master Program in Management of Banking and Finance, Solvay Brussels School of Economics & Management and National Economics University.
- Claessens, S. (1998), *Experiences of Resolution Banking Crises*, truy cập ngày 4/9/2014 từ <http://www.bis.org/publ/plcy07s.pdf>
- Công an Nhân dân online (2012), *Lộ diện các ngân hàng phải tái cấu trúc*, truy cập ngày 10/9/2014 từ <http://www.cand.com.vn/vi-VN/kinhte/2012/11/185557.cand>
- Đỗ Thiên Anh Tuấn (2014), *Ngân hàng ảo tưởng, VAMC nuôi nợ: Nợ xấu chạy vòng quanh*, truy cập ngày 3/9/2014 từ <http://baodatviet.vn/kinh-te/tai-chinh/ngan-hang-ao-tuong-vamc-nuoi-no-no-xau-chay-vong-quanh-3055338/>
- Đặng Ngọc Đức, Đặng Anh Tuấn, Lê Thanh Tâm, Đoàn Phương Thảo và Lê Thị Vân Chi, (2014), 'Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam năm 2013', *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trọng điểm*, Mã số KTQD2013.06TD, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- FSI (Financial Stability Institute) (2012), *FSI Survey: Basel II, 2.5 and III Implementation*. July 2012.
- Heffernan, Shelagh (2005), *Modern Banking*, John Willey and Sons, Ltd. London.
- Kim Anh (2014), *Minh bạch thông tin ngân hàng: Cuộc chơi không công bằng*, truy cập lần cuối ngày 10/9/2014 từ <http://vneconomy.vn/tai-chinh/minh-bach-thong-tin-ngan-hang-cuoc-choi-khong-cong-bang-20140905032539300.htm>
- KPMG (2013), *Khảo sát về ngành ngân hàng Việt Nam 2013*, Hà Nội.
- Lê Quốc Hội (2013), 'Đánh giá tình hình thực hiện tái cấu trúc hệ thống Ngân hàng Việt Nam năm 2012 và triển vọng năm 2013', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 190, tháng 04 năm 2013, trang 7-14.
- Lê Thị Thùy Vân (2014), 'Đảm bảo an toàn tài chính trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam năm 2012-2013 và thách thức chính sách trong những năm tiếp theo', *Tuyển tập bài viết về tiền tệ - ngân hàng Việt Nam năm 2013*, Tạp chí Ngân hàng – Viện Chiến lược Ngân hàng, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, trang 286-301.
- Mình Đức (2014), *Mười ngân hàng tập nạng "mức tạ" mới*, truy cập lần cuối ngày 3/9/2014 từ <http://vneconomy.vn/tai-chinh/10-ngan-hang-tap-nang-muc-ta-moi-2014081009591026.htm>
- Ngân hàng Nhà nước (2005), *Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 về việc ban hành quy định phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng*.
- Ngân hàng Nhà nước (2007), *Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 về việc ban hành quy định phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng*.
- Ngân hàng Nhà nước (2010a), *Thông tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng*.
- Ngân hàng Nhà nước (2010b), *Thông tư 21/2010/TT-NHNN ngày 8/10/2010 quy định báo cáo thống kê áp dụng đối với đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.
- Ngân hàng Nhà nước (2011), *Thông tư 35/2011/TT-NHNN ngày 11/11/2011 quy định việc công bố và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước*.
- Ngân hàng Nhà nước (2013), *Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/1/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*
- Ngân hàng Nhà nước (2014), *Báo cáo thống kê tiền tệ ngân hàng*, truy cập lần cuối ngày 10/9/2014, từ [http://www.sbv.gov.vn/portal/faces/vi/vim/vipages\\_trangchu/tkttnh/tpttt/tienguitaitctd?\\_adf.ctrl-state=16a5a417qd\\_4&\\_afLoop=3859855108303100](http://www.sbv.gov.vn/portal/faces/vi/vim/vipages_trangchu/tkttnh/tpttt/tienguitaitctd?_adf.ctrl-state=16a5a417qd_4&_afLoop=3859855108303100) Cập nhật đến tháng 6/2014.
- Nguyễn Thị Hoài Phương (2013), 'Quản lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Luận án Tiến sĩ*, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nhuệ Mẫn (2014), *Basel II không phải là con ngáo ộp*, truy cập lần cuối ngày 31/8/2014, từ <http://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/basel-ii-khong-phai-la-con-ngao-op-96684.html>
- Nguyễn Hữu Nghĩa (2013), 'Nâng cao quy định an toàn đối với tổ chức tín dụng và lộ trình thực hiện chuẩn mực Basel II tại Việt nam', *Tuyển tập bài viết về tiền tệ - ngân hàng Việt Nam năm 2013*, Tạp chí Ngân hàng – Viện Chiến lược Ngân hàng, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, trang 278-285.
- Hạ Thị Thiệu Dao (2013), 'Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam 2011-2013 và những vấn đề đặt ra', *Tuyển tập bài viết về tiền tệ - ngân hàng Việt Nam năm 2013*, Tạp chí Ngân hàng – Viện Chiến lược Ngân hàng, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, trang 226-239.
- Huy Thắng (2014), *Sức khỏe" ngân hàng qua nửa đầu năm 2014*, truy cập lần cuối ngày 31/8/2014 từ <http://hanoi-moi.com.vn/Tin-tuc/Kinh-te/699426/suc-khoe-ngan-hang-qua-nua-dau-nam-2014>.

- OECD (2010), 'Thinking Beyond Basel III: OECD study on Basel I, Basel II and III', *Journal of Financial Market Trends*, May 2010, truy cập lần cuối ngày 5/9/2014 từ <http://www.webcitation.org/5q4GU5WGw>
- Quốc Hội (2007), Luật chứng khoán số 70/2006/QH11, thông qua ngày 29/6/2006.
- Quốc Hội (2010), Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, thông qua ngày 16/6/2010.
- Saga (2014), Phương pháp ước tính tổn thất tín dụng dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu đánh giá nội bộ - IRB và những ứng dụng trong quản trị rủi ro, truy cập lần cuối ngày 10/9/2014 từ <http://archive.saga.vn/dfincor.aspx?id=10257>
- StockPlus (2014), Dữ liệu ngân hàng cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp: Stockplus Pro-investors, (không xuất bản).
- Minh Tuấn (2014), 'Chẳng ai muốn bị xem là ngân hàng hạng hai cả ...', truy cập lần cuối ngày 10/9/2014 từ <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang/chang-ai-muon-bi-xem-la-ngan-hang-hang-hai-ca-2014040716034124715ca34.chn>
- Thành Hưng (2014), Ngân hàng Nam Việt chính thức đổi tên thành Ngân hàng Quốc dân, truy cập ngày 5/9/2014 từ <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang/ngan-hang-nam-viet-chinh-thuc-doi-ten-thanh-ngan-hang-quoc-dan-2014012317454125019ca34.chn>
- Thủ tướng Chính phủ (2006), Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg, về việc phê duyệt đề án phát triển ngành ngân hàng Việt nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, ban hành ngày 24 tháng 5 năm 2006
- Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 254/2012/QĐ-TTg, phê duyệt đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015, ngày 1 tháng 3 năm 2012
- Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 339/2013/QĐ-TTg, phê duyệt đề án ông thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020, ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2013
- Từ An Huy (2012), Ngân hàng nông thôn vội vã ra đô thị: Một nguồn cơn của bùng phát nợ xấu, truy cập ngày 10/9/2014 từ <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang/ngan-hang-nong-thon-voi-va-ra-do-thi-mot-nguon-con-cua-bung-phat-no-xau-20120911071518412ca34.chn>
- Vietfin (2012), Một số chỉ tiêu về hoạt động hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng 31/21/2012, truy cập lần cuối ngày 12/9/2014 từ <http://www.vietfin.net/mot-so-chi-tieu-ve-hoat-dong-he-thong-nhtm-va-tctd-31-12-2012/von/>
- VPBS (2014), An toàn vốn của các ngân hàng thương mại và lộ trình thực hiện Basel II, truy cập lần cuối ngày 31/8/2014 từ <http://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/an-toan-von-cua-cac-ngan-hang-thuong-mai-va-lo-trinh-thuc-hien-basel-ii-101745.html>

## **Restructuring Vietnamese credit institutions in accordance with Basel II accord: Results after two year and implications**

### *Abstract:*

*The restructuring process of Vietnamese credit institutions (CIs) – the heart of economic restructure schemes – should be completed within 2 more years. At the same time, the rationale of developing the CI system in accordance with the Basel II Accord is more confirmed. However, no research has been done on assessing the Vietnamese CIs' restructure vis-a-vis Basel II principles. The finding of this study are (i) implementing the Basel II Accord is the optimum choice for Vietnamese CIs in the restructuring process; (ii) the CIs' restructuring proposal has been toward reaching Basel II Accords to some extents, such as capital requirement, governance via specific objectives and concrete measures; (iii) the restructuring results after two years are still limited: parts of Pillar 1 have been achieved, and almost no clear result for Pillars 2 and 3; and (iv) several synthesized measures should be taken to achieve the planned objectives as per Basel II Accord.*

### **Thông tin tác giả:**

\* **Lê Thanh Tâm**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Ngân hàng – Tài Chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: quản trị các tổ chức tín dụng, nghiệp vụ ngân hàng, quản trị rủi ro, tài chính vi mô, tài chính nông thôn.

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Journal of Economics and Development*; *The East Asian Journal of Business Management*; *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, *Tạp chí Ngân hàng*, *Tạp chí Tài chính*.

- Thông tin liên lạc: Địa chỉ email: [taminhanoi@gmail.com](mailto:taminhanoi@gmail.com); [tamlt@neu.edu.vn](mailto:tamlt@neu.edu.vn)